

DANH SÁCH DỰ KIẾN ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027

* Mọi thắc mắc và cần được giải đáp, các bạn vui lòng liên hệ trực tiếp với **cô Đăng – Phòng Công tác sinh viên**. Cô luôn sẵn sàng đồng hành, lắng nghe và hỗ trợ hết mình để các bạn vững bước trên con đường học tập. ĐT: 023 638 96602,

* Hạn cuối tiếp nhận hồ sơ/thủ tục là **17h00 ngày 18/9/2026**. Sau thời điểm trên, Nhà trường sẽ dừng tiếp nhận để tiến hành các bước xử lý theo quy định và không thể giải quyết các trường hợp phát sinh muộn.

TT	MSV	Họ tên	Ngày sinh	Loại miễn giảm	Tỉ lệ	Số tiền miễn giảm	Số tài khoản	Ghi chú
1	21115043120170	Hoàng Thế Bảo	14/04/2003	TNLD	50			
2	25115052225130	Nguyễn Thành Lâm	22/08/2007	TNLD	50			
3	2415042122217	Nguyễn Trọng Hiếu	25/02/2006	TNLD	50			
4	25115042125130	Phạm Thế Hải	29/10/2007	TNLD	50			
5	22115041122145	Phan Huy Phong	05/08/2004	TNLD	50			
6	23115051222358	Trần Hoàng Thắng	16/06/2005	TNLD	50			
7	22115064122111	Võ Văn Thiện	22/07/2004	TNLD	50			
8	25115061125309	Alăng Siêu	12/07/2007	Dân tộc	70			
9	25115061125346	Hồ Hồng Vinh	05/01/2007	Dân tộc	70			
10	2415041122121	Lữ Tuấn Khang	10/02/2006	Dân tộc	70			
11	23115061122129	Phạm Văn Phúc	14/02/2005	Dân tộc	70			
12	2415044122304	Vi Gia Bảo	23/10/2006	Dân tộc	70			
13	25115061125336	Vi Quốc Trung	06/09/2007	Dân tộc	70			
14	25115055125250	Đình Lê Hoàng Quân	20/08/2007	Dân tộc	70			
15	25115044125313	A Thiên Thế Sơn	23/04/2007	Dân tộc	70			
16	23115044122152	Đình Văn Vũ	15/05/2005	Dân tộc	70			
17	21115042120115	Bùi Xuân Công Hậu	15/03/2003	TB3/4	100			
18	23115041122323	Đào Việt Hưng	29/09/2005	TB4/4	100			
19	25115052225234	Hồ Phi Vũ	01/09/2007	Khuyết tật	100			
20	2415054122138	Hứa Văn Nghiệp	21/09/2005	Dân tộc HN,CN	100			
21	25115073125203	Lại Quốc Chiến	17/10/2004	Khuyết tật	100			
22	22115073122117	Lê Hạnh Khôi Nguyên	31/05/2004	TB2/4	100			
23	25115041125311	Lê Hữu Minh Hải	10/04/2007	Khuyết tật	100			
24	25115053125202	Lê Nam Khang	02/02/2006	Khuyết tật	100			
25	23115055122235	Lê Văn Ry	22/10/2005	TB2/4	100			

TT	MSV	Họ tên		Ngày sinh	Loại miễn giảm	Tỉ lệ	Số tiền miễn giảm	Số tài khoản	Ghi chú
26	22115042122208	Mạc Kỳ	Dĩ	14/11/2004	Dân tộc HN,CN	100			
27	21115051220113	Nguyễn Đình	Đức	05/05/2003	LS	100			
28	22115053122137	Nguyễn Đình	Thị	05/04/2004	TB4/4	100			
29	22115043122238	Nguyễn Minh	Trí	18/10/2004	TB3/4	100			
30	2415041122156	Nguyễn Phước	Vũ	04/04/2006	Khuyết tật	100			
31	22115053122215	Nguyễn Thị	Huệ	12/03/2004	TB4/4	100			
32	23115053122242	Nguyễn Thị	Thương	15/11/2005	MC	100			
33	25115044125319	Nguyễn Tiến	Tâm	26/07/2007	TB3/4	100			
34	25115053125247	Nguyễn Trường	Sơn	05/09/2007	TB1/4	100			
35	2415042122123	Nông Quang	Huy	08/04/2006	Dân tộc HN,CN	100			
36	22115051222321	Phạm Đức	Huy	26/03/2004	TB3/4	100			
37	25115053125204	Phạm Duy	Khánh	25/05/2007	TB3/4	100			
38	23115055122239	Phạm Phương Bảo	Tâm	13/06/2005	MC	100			
39	22115141122115	Phan Công	Phước	25/12/2004	TB2/4	100			
40	22115042122272	Phan Đức	Việt	25/09/2004	TB4/4	100			
41	25115053125224	Trần Phước Bảo	Ngân	11/10/2004	Khuyết tật	100			
42	25115051225135	Trần Thanh	Hưng	21/04/2007	MC	100			
43	25115055125220	Trương Quang Nhật	Linh	11/03/2007	TB4/4	100			
44	26115055126133	Nguyễn Hồng	Ngát	22/8/2008	Dân tộc, HCN	100			
45	26115055126141	Trương Đình	phúc	01/04/2008	TB 64%	100			
46	26115072126139	Nguyễn Đức	Trí	25/11/2008	TNLD	50			
47	25115061125239	Dương Tấn	Nhật	02/06/2007	Con CB	50			
48	24150421244122	Lương Phước Minh	Huân	20/06/2006	Con CB về hưu	25			
49	23115061122218	Ngô Gia	Khánh	09/10/2005	Con CB	50			
50	25115041125319	Nguyễn Đỗ Tuấn	Hùng	11/10/2007	Con CB	50			
51	23115044122314	Nguyễn Hữu	Hiếu	23/06/2005	Con CB	50			
52	26115043126139	Nguyễn Lương Bảo	Tấn	31/12/2007	Con CB	50			
53	2415043122118	Võ Văn Minh	Hướng	08/02/2006	Con CB	50			
54	26115041126119	Nguyễn Duy	Hưng	27/8/2008	Con CB	50			
55	23115061122304	Nguyễn Thành	Đạt	05/04/2005	Con CB	50			
56	26115071126110	Lâm Phương	Đạt	17/02/2008	Con CB	50			

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 9 năm 2026